

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161/2025/HC-ST**

Ngày: 05 - 9 - 2025

V/v: Khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 115/TLST-HC ngày 15/5/2025, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2025/QĐXXST-HC ngày 12/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Buôn N 1, xã E, tỉnh Đắc Lắc - có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Hoàng Thị Đình, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắc Lắc (văn bản uỷ quyền ngày 02/6/2025) - có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắc Lắc.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Văn L – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắc Lắc (văn bản uỷ quyền ngày 22/7/2025) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Phú H1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Buôn N 1, xã E, tỉnh Đắc Lắc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1957; Địa chỉ: Buôn A, xã E, tỉnh Đắc Lắc (văn bản uỷ quyền ngày 02/6/2025) - có mặt.

3.2. Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần;

Địa chỉ: Số 60-66 Nguyễn Cơ T, Khu đô thị S, phường K, Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 04/6/2025):

- Ông Trần Văn K – Chức vụ: Giám đốc Công ty Thủy điện B – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần(có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn H3 – Chức vụ: Trưởng Phòng Hành chính và Lao động, Công ty Thủy điện B – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần;

Cùng địa chỉ: 22 Mai Xuân T, phường N, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H là bà Hoàng Thị Đ trình bày:*

Vào trước những năm 1990 của thế kỷ XX, gia đình bà Nguyễn Thị H tự khai hoang một số diện tích đất canh tác nông nghiệp tại thôn 2, xã E, huyện B, nay thuộc Công trình lòng hồ Thủy điện Srêpôk 3 và đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngày 09/12/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3845/QĐ-UBND về việc phê duyệt hiệu chỉnh Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ hạng mục cấm mốc tăng dày, bổ sung mốc ranh giới lòng hồ đợt 2 trên địa bàn 2 xã T và xã E, huyện B Công trình Thủy điện Srêpôk 3, trong đó đã bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị H diện tích đất canh tác nông nghiệp, cây trồng... Tuy nhiên, trên diện tích đất bị nhà nước thu hồi được bồi thường hỗ trợ này thì gia đình bà Nguyễn Thị H trước đó đã đầu tư xây dựng một bể nước vào khoảng tháng 4 năm 2010 có kích thước 8,5m x 6m x 1,35m với tổng dung tích là 68,85m³ nhưng không được thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị H theo quy định pháp luật, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Nguyễn Thị H. Từ năm 2012 đến nay, gia đình bà Nguyễn Thị H cùng 14 hộ dân đã nhiều lần và liên tục tìm đến chính quyền địa phương các cấp để trình bày, khiếu nại nhưng chưa được giải quyết thỏa đáng theo quy định pháp luật.

Do đó, bà Nguyễn Thị H đề nghị Toà án buộc UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk phải lập phương án và tiến hành bồi thường, hỗ trợ bể nước nuôi trồng thủy sản cho gia đình bà Nguyễn Thị H.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND xã Ea Nuól, tỉnh Đắk Lắk trình bày:.*

I. Căn cứ, trình tự thủ tục và nội dung khi ban hành Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 và Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011.

Căn cứ các biên bản xác minh hiện trạng đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng của các hộ dân bị thu hồi đất trong khu vực giải toả xây dựng công

trình thủy điện Srêpôk 3, hạng mục: tăng dày ranh lòng hồ của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Srê pôk 3.

Căn cứ Biên bản họp thẩm định ngày 05/10/2011 của Hội đồng thẩm định về thẩm định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Ngày 07/10/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2688/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 131 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã T, E phục vụ thi công: Hạng mục ngập dày mốc đợt 2 – Công trình thủy điện Srêpôk 3, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/10/2011, UBND huyện ban hành Quyết định số 2910/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng, mặt bằng hạng mục cấm mốc tăng dày, bổ sung ranh giới lòng hồ đợt 2, trên địa bàn 02 xã T, E huyện B thuộc công trình nhà máy thủy điện Srêpôk 3.

Ngày 09/12/2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Thủy điện SrêPôk 3 ban hành phương án số 29/PA-BTHT về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình Thủy điện SrêPôk 3, hạng mục công trình: Phương án Hiệu chỉnh Quyết định số 2910-QĐ/UBND ngày 28/10/2011 của UBND huyện. Lý do hiệu chỉnh: Tại Quyết định số 2910 đã phê duyệt còn một số các loại cây trồng như chuối và các loại cây trồng hàng năm khác có mật độ trồng dày so với mật độ quy định tại Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, tài sản, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, nên Hội đồng kiểm tra không áp giá bồi thường cho các loại cây trồng vượt mật độ theo đúng quy định. Các loại cây trồng dày và trồng xen Hội đồng làm Tờ trình xin ý kiến với UBND tỉnh xem xét hỗ trợ tránh thiệt thòi cho người dân bị thu hồi đất.

Cùng ngày, UBND huyện ban hành Quyết định số 3845/QĐ-UBND về việc phê duyệt Hiệu chỉnh Quyết định số 2910/QĐ-UBND của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng, mặt bằng hạng mục cấm mốc tăng dày, bổ sung ranh giới lòng hồ đợt 2, trên địa bàn 02 xã T, E huyện B thuộc công trình nhà máy thủy điện Srêpôk 3.

Như vậy, UBND huyện ban hành các Quyết định số 2910/QĐ-UBND và Quyết định số 3845/QĐ-UBND là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

II. Căn cứ pháp lý thực hiện:

1. Luật Đất đai năm 2003.
2. Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;
3. Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;
4. Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;
5. Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

6. Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

7. Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

8. Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

9. Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 25/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Ý kiến, kiến nghị, quan điểm của UBND xã Ea Nuôl: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**/ Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần là ông Trần Văn K trình bày:*

Công trình thủy điện Srêpôk 3 có công suất 220MW, được khởi công vào cuối năm 2005, bắt đầu tích nước và phát điện vào năm 2010. Trong quá trình thi công xây dựng công trình, Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 đã phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ - tái định cư công trình thủy điện Srêpôk 3 (do UBND huyện B thành lập) và các đơn vị chức năng liên quan xúc tiến công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và tái định canh, tái định cư theo tiến độ thi công xây dựng công trình.

Hồ thủy điện Srêpôk 3 được bắt đầu tích nước vào ngày 12/5/2010 và đạt mực nước dâng bình thường vào ngày 23/6/2010. Trong quá trình tích nước đến mực nước dâng bình thường, Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 đã nhận được phản ánh của các hộ dân và chính quyền địa phương về việc nước hồ ở một số khu vực đã ngập vượt mốc ranh lòng hồ đã được bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trước đây, nên Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 đã mời Tư vấn khảo sát thiết kế, cắm mốc tăng dày, bổ sung mốc ranh giới lòng hồ, đo đạc địa chính để xác định diện tích đất cần thu hồi bổ sung cho công trình xây dựng lòng hồ. Căn cứ hồ sơ địa chính được lập bổ sung, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình thủy điện Srêpôk 3 huyện B tiến hành kiểm kê và lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình cấp thẩm quyền phê duyệt để chi trả bổ sung cho người dân. Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ được lập theo 02 đợt cắm bổ sung mốc ranh giới lòng hồ và tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo các phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 và Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B.

Trong số các hộ dân được bồi thường, hỗ trợ theo các Quyết định số 3206 và 3845 nêu trên, có 14 hộ có bể nước với dung tích trên 15m³ đã được kiểm kê (trong khoảng thời gian từ tháng 11/2010 đến tháng 5/2011), nằm trên đất được thu hồi bổ sung để xây dựng lòng hồ, nhưng do các bể không đảm bảo chất lượng xây dựng, không sử dụng được (không chứa được nước/không có nước), nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ không áp giá đền bù mà gác lại để xin ý kiến UBND tỉnh.

Sau khi quyết toán hoàn thành dự án và thực hiện thủ tục bàn giao Chủ đầu tư cho đơn vị phát điện, Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 đã bàn giao các công việc còn lại của dự án thủy điện Srêpôk 3 cho Tổng Công ty Phát điện 3/Công ty Thủy điện B vào tháng 6/2013. Khi tiếp nhận bàn giao các công việc còn lại của dự án thủy điện Srêpôk 3, Công ty Thủy điện B không nhận được thông tin gì về các bể nước trên đất lòng hồ thủy điện Srêpôk 3.

Sau một thời gian phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết các công việc còn lại của dự án thủy điện Srêpôk 3, Công ty Thủy điện Buôn Kuốp nhận được văn bản số 127/CV-TNMT ngày 11/9/2020 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện B lấy ý kiến về việc bồi thường hỗ trợ bể nước thuộc công trình thủy điện Srêpôk 3 giai đoạn 2010-2011. Đây là lần đầu tiên Công ty nhận được văn bản đề cập tồn tại về bồi thường hỗ trợ bể nước của 14 hộ dân sau hơn 09 năm từ ngày phương án bồi thường hỗ trợ được phê duyệt (09/12/2011-11/9/2020). Theo đó, Công ty đã tổ chức nghiên cứu hồ sơ và nhận thấy đó là tồn tại của dự án, nên đã phối hợp chính quyền địa phương để giải quyết.

Sau một thời gian với nhiều cuộc họp do UBND huyện B chủ trì để xem xét, lấy ý kiến về các phương án giải quyết; căn cứ Kết luận của Lãnh đạo UBND huyện tại Biên bản làm việc ngày 26/11/2021 và đề nghị của UBND huyện tại văn bản số 58/UBND-KTHT ngày 20/01/2022, Công ty đã hoàn thiện dự toán chi phí xây dựng bể nước của 14 hộ dân trong khu vực giải tỏa xây dựng công trình lòng hồ thủy điện Srêpôk 3 và trình UBND huyện B tại Tờ trình số 153/TTr-TĐBK ngày 21/01/2022. Dự toán đã được thẩm định và được UBND huyện Buôn Đôn phê duyệt tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022. Tiếp đó, UBND huyện có văn bản số 94/UBND-TNMT ngày 28/01/2022 giao Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ bể nước và thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân; giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức thẩm định, tham mưu UBND huyện quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ. Tuy nhiên, sau một thời gian Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện không triển khai xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ theo dự toán chi phí xây dựng bể nước đã được phê duyệt tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 nêu trên, UBND huyện B đã tổ chức rà soát lại hồ sơ và sau đó đã ban hành Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 hủy bỏ Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 nêu trên.

Qua tìm hiểu quá trình xem xét hồ sơ bồi thường hỗ trợ bể nước, được biết tuy hầu hết các hộ dân kê khai xây dựng bể nước trước thời điểm tích nước hồ thủy điện Srêpôk 3, nhưng đều là công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng, đa số không sử dụng được (không chứa được nước/không có nước), nên UBND huyện không lập phương án bồi thường hỗ trợ chi phí xây dựng các bể nước đã nêu, mà đề nghị Công ty Thủy điện B thỏa thuận với các hộ dân để thực hiện việc hỗ trợ chi phí xây dựng các bể chứa nước trên cơ sở dự toán được phê duyệt tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 nêu trên. Tuy nhiên, Công ty Thủy điện B không thể sử dụng nguồn vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân khi chưa có phương án bồi thường hỗ trợ được phê duyệt bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 21/02/2024, có 06 hộ dân có Đơn khởi kiện và được TAND tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024, TAND tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của 06 người dân khởi kiện; buộc UBND huyện B phải lập phương án bồi thường hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước của 06 người khởi kiện theo giá hiện hành và khối lượng dự toán đã được xác định tại Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B.

Thực hiện Bản án sơ thẩm có hiệu lực, Công ty Thủy điện B đã lập dự toán chi phí xây dựng bể nước của 06 hộ dân, trình các cơ quan chức năng thẩm định, làm cơ sở để xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Dự toán toán chi phí xây dựng bể nước của 06 hộ dân đã được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số 422/QĐ-TĐBK ngày 21/01/2025. Hiện phương án bồi thường hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho các hộ dân áp dụng hệ số hỗ trợ theo quy định, nhưng người dân không đồng ý, nên đang khởi kiện trở lại.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H:

Tại Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B có ghi chú "chờ xin ý kiến tỉnh" đối với việc bồi thường bể nước nhưng đến nay UBND huyện B vẫn chưa xin ý kiến UBND tỉnh Đắk Lắk nên chưa đủ cơ sở pháp lý để công nhận phương pháp tính giá bồi thường các bể nước đó. Ngoài ra, đa số các công trình xây dựng bể nước không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được (không chứa được nước/không có nước) trong thời gian hơn 01 năm kể từ khi xây dựng hoàn thành đến thời điểm kiểm kê hiện trạng (có hình ảnh bể nước vào thời điểm kiểm kê như nêu tại mục 2 trong Phụ lục 1 và Bảng tổng hợp thông tin về tình trạng bể nước như Phụ lục 2 đính kèm), nên các công trình xây dựng đó không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

Sau năm 2011, UBND huyện B không có báo cáo, đề xuất, xin ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk để giải quyết việc bồi thường các bể nước, nhưng ít nhất là trong 05 năm sau đó, các hộ dân vẫn không có kiến nghị gì về việc bồi thường bể nước. Khi các hộ dân có kiến nghị bồi thường bể nước vào năm 2020, Công ty Thủy điện B đã áp dụng Quy định về giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk để lập dự toán chi phí xây dựng công trình, làm cơ sở tính giá bồi thường tài sản bể nước là đúng quy định.

Trong đó, Công ty áp dụng quy định tại mục 4 phần II: *“Đối với tài sản, vật kiến trúc không có trong quy định này: Chủ đầu tư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường căn cứ hồ sơ, tài liệu liên quan, định mức dự toán xây dựng công trình, đơn giá xây dựng công trình, chế độ hiện hành do Nhà nước quy định trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng lập dự toán chi phí bồi thường tài sản, vật kiến trúc...”* là đúng quy định pháp luật; được đơn vị chức năng liên quan thẩm định và được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 hủy bỏ Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 nêu trên, rồi không có hướng lập và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ hợp lý chi phí xây dựng bể nước cho các hộ dân là nằm ngoài thẩm quyền giải quyết của Công ty Thủy điện B. Công ty mong muốn cơ quan thẩm quyền có ý kiến tổ chức lập lại dự toán chi phí xây dựng bể nước của các hộ dân, làm cơ sở để lập phương án bồi thường hỗ trợ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả tiền bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân, nhằm kết thúc các khiếu kiện. Đề nghị Toà án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú H1: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H. Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị H.*

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú H1 là bà Hoàng Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk) phải thực hiện hành vi ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bể nước trong lòng hồ thủy điện Sêrêpôk 3 cho bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 09/12/2011, UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 3845/QĐ-UBND về việc phê duyệt hiệu chỉnh Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ hạng mục cắm mốc tăng dày, bổ sung mốc ranh giới lòng hồ đợt 2, trên địa bàn 2 xã T và E huyện B thuộc công trình nhà máy thủy điện Sêrêpôk 3, trong đó có bồi thường hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H. Ngày 25/01/2022, UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 511/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán chi phí xây dựng bể nước của 14 hộ dân trong khu vực giải tỏa xây dựng công trình lòng hồ thủy điện Sêrêpôk 3 (trong đó có bà H). Ngày 11/10/2023, UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3952/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của

UBND huyện B. Đến nay, bà Nguyễn Thị H cho rằng UBND huyện B vẫn chưa bồi thường, hỗ trợ bề nước nuôi trồng thủy sản cho gia đình bà. Đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai mà bà Nguyễn Thị H cho rằng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Bà Nguyễn Thị H gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện Buôn Đôn. Ngày 10/10/2024, UBND huyện Buôn Đôn ban hành Công văn số 1488/UBND-VP hướng dẫn bà H gửi đơn đến Công ty Thủy điện B để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 15/4/2025, bà Nguyễn Thị H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Đối với người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157 và Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H, xét thấy:

[2.1] Ngày 07/10/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2688/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 131 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các xã T, E phục vụ thi công: Hạng mục ngập tăng dày mốc đợt 2 – Công trình thủy điện Sêpôk 3, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có thu hồi 4.215m² đất của bà Nguyễn Thị H.

Tại biên bản xác định hiện trạng ngày 21/4/2011 thể hiện hộ bà Nguyễn Thị H có 01 bề nước xây gạch ống thủ công (tường 10), trát vữa 2 mặt, nền láng xi măng có thể tích 68,85m³ (6 x 8,5 x 1,35)m.

Tại Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B về việc phê duyệt hiệu chỉnh Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ hạng mục cắm mốc tăng dày, bổ sung mốc ranh giới lòng hồ đợt 2, trên địa bàn 2 xã T và E, huyện B thuộc công trình nhà máy thủy điện Srêpôk 3, trong đó có nội dung bồi thường tài sản của bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, tại bảng kê chi tiết bồi thường hỗ trợ phần tài sản của bà Nguyễn Thị H có bề nước, nhưng tại mục ghi chú thể hiện chờ ý kiến của UBND Tỉnh nên không thể hiện số tiền bồi thường.

[2.2] Khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

“2. Khi Nhà nước thu hồi đất, người bị thu hồi đất không được bồi thường về tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản gắn liền với đất được tạo ra tại khu vực đất bị thu hồi sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây

dựng điểm dân cư nông thôn đã được công bố mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Tài sản gắn liền với đất được tạo ra trước khi có quyết định thu hồi đất mà trái với mục đích sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại thời điểm xây dựng công trình đó;

c) Đất bị thu hồi thuộc các trường hợp quy định tại các khoản 4, 6, 7 và 10 Điều 38 của Luật này.”

Như vậy, bể nước của gia đình bà Nguyễn Thị H không thuộc trường hợp không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi bổ sung năm 2009, nên việc UBND huyện B không bồi thường cho gia đình bà H với lý do công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng, đa số không sử dụng được (không chứa được nước/không có nước) nên không bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ.

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND huyện B chưa xin ý kiến của UBND Tỉnh để phê duyệt phương án bồi thường đối với bể nước trên là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Nguyễn Thị H. Việc chậm thực hiện thủ tục phê duyệt phương án bồi thường đối với tài sản khi thu hồi đất dẫn đến hiện nay các tài sản đã ngập sâu trong lòng hồ là lỗi của UBND huyện B.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bể nước trong lòng hồ thủy điện Sêrêpôk 3 cho bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Điều luật áp dụng: Căn cứ: Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 102 của Luật Đất đai năm 2024; Điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

[2.1].Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk) ban hành Quyết

định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bề nước trong lòng hồ thủy điện Sêrêpôk 3 cho bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, nên được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp (do bà Hoàng Thị Đ nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 00000128 ngày 09/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa PT TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết